

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HS-ST

Ngày: 14/3/ 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : ông Nguyễn Hà Giang.*

*Các Hội thẩm nhân dân : 1. ông Trần Đức Thọ.*

*2. ông Hà Văn Nam.*

**- Thư ký phiên toà:** ông **Đình Văn Côn** - Thẩm tra viên Toà án nhân dân Huyện T - Tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện VKSND huyện T - tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** ông **Trần Văn Hồng** - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2018. Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Tiến Th**; Tên gọi khác: không;

Sinh ngày 16 tháng 11 năm 1993, tại Khu Thù, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu Thù, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính:

Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Hữu S và

bà PH Thị L; Chưa có vợ, con; Hiện bố, mẹ đều ở tại xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án số: 21/2015/HSST ngày 16/9/2015 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, xử phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng về tội hủy hoại tài sản, tại quyết định số:30/2016/QĐ-TA ngày 15/8/2016 Hội đồng xét rút ngắn thời gian thử thách của án treo đã quyết định rút ngắn thời gian thử thách cho Phạm Tiến Th là 04 (bốn) tháng, tính đến ngày phạm tội lần này bị cáo đương nhiên được xóa án tích theo quy định của pháp luật.

Bị cáo bị bắt tạm giữ 03 (ba) ngày từ ngày 29/11/2017 đến ngày 01/12/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Hà Văn Đ**; Tên gọi khác: không;

Sinh ngày 14 tháng 5 năm 1984, tại xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu Chiềng 1, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn Đ và bà Hoàng Thị Ổ; Có vợ: Hà Thị T và 01 con; Hiện bố, mẹ đều ở tại xú T, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Vợ và con ở tại xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ 03 (ba) ngày từ ngày 29/11/2017 đến ngày 01/12/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

3. Họ và tên: **Hà Đức H**; Tên gọi khác: không;

Sinh ngày: 18 tháng 9 năm 1991, tại Khu S, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu S, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Đức H và bà Hà Thị V; Có vợ: Hà Thị B và 01 con; Hiện bố, mẹ, vợ và con đều ở tại xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ 03 (ba) ngày từ ngày 29/11/2017 đến ngày 01/12/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

4. Họ và tên: **Hoàng Văn T1**; Tên gọi khác: không;

Sinh ngày: 02 tháng 4 năm 1978, tại xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu C, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn C và bà Hà Thị N; Có vợ: Nguyễn Thị N và 01 con; Hiện bố, mẹ đều ở tại xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Vợ và con đều ở tại xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ 03 (ba) ngày từ ngày 29/11/2017 đến ngày 01/12/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

5. Họ và Tên: **Đinh Tuyển C**; Tên gọi khác: không;

Sinh ngày: 23 tháng 2 năm 1979, tại Khu C, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu C, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đinh Đình Nh và bà Hà Thị L; Có vợ: PH Thị Th và 03 con; Hiện mẹ, vợ và con đều ở tại xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ 03 (ba) ngày từ ngày 29/11/2017 đến ngày 01/12/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

6. Họ và Tên: **Hà Văn T2**; Tên gọi khác: không;

Sinh ngày: 20 tháng 4 năm 1982, tại Khu 9, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu 9, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 16/QĐ/UBND THU ngày 11/12/2017 của ủy ban kiểm tra huyện ủy T; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Công Í và bà Hà Thị Bích L; Có vợ Hà Thị Phương Đ và 02 con; Hiện bố, mẹ, vợ và con đều ở tại xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ 03 (ba) ngày từ ngày 29/11/2017 đến ngày 01/12/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu cú trong hồ sơ vụ án và quá Trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

#### *a) Về hành vi phạm tội của các Bị cáo:*

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 28/11/2017, tại nhà ở của Hà Văn Đ, sau khi ăn cơm uống rượu cùng Hà Văn T2, Hà Đức H và Đinh Thanh Q xong thì H rủ Đ, T2 đánh bạc ăn tiền dưới hình thức chơi "Ba cây". Đ, T2 đồng ý, còn Đinh Thanh Quỳnh say rượu ra phòng khách nằm ngủ.

H lấy bộ bài tú lơ khơ 36 quân bài từ con A được quy định là 1 đến 9 sau đã cả 03 người ngồi ở phòng bếp nhà Đ đánh bạc. Quy định người chơi đặt Ca tối thiểu 20.000 đồng một ván đối với nhà cái, cách thức chơi chia đều cho mỗi người 03 quân bài sau đã cộng điểm với nhau tổng số điểm của 03 quân bài nếu trên 10 và 20 điểm thì trừ đi số chẵn 10, 20 còn lấy số điểm lẻ để so với nhà cái (cầm chương). Nếu điểm bằng nhau thì so chất theo thứ tự rụ, cơ, bích, tép, sau đã so sánh con số của chất, lớn ăn bé... Chơi được khoảng 30 Phút thì có Hoàng Văn T1 và Đinh Tuyển C, đến cùng tham gia đánh bạc. Sau đã, Phạm Tiến Th và Hà Văn L đến nhà Đ chơi, Th xin tham gia đánh bạc cùng, L chỉ ngồi xem, không chơi.

Các đối tượng cùng nhau đánh bạc ăn tiền đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 29/11/2017 thì bị Tổ công tác- Công an huyện T kiểm tra bắt quả tang. Tổ công tác - Công an huyện T đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng gồm: 5.530.000 đồng thu trên chiếu bạc; 36 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu cói đôi đã qua sử dụng. 04 ví giả da của Đ, T2, Th và T1. Thu trong ví của Đ 305.000 đồng, trong ví của T2 202.000 đồng và dẫn giải các đối tượng về trụ sở Cơ quan Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ để điều tra làm rõ.

Tại cơ quan điều tra, và tại phiên tòa ngày nay các Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình như đã nêu trên. Khi tham gia đánh bạc các đối tượng khai số tiền dùng vào việc đánh bạc như sau:

Đ có 1.055.000 đồng, H khai có 1.300.000 đồng, T2 khai có 732.000 đồng, T1 khai có 900.000 đồng; C khai có 800.000 đồng; Th khai có 650.000 đồng là tiền để đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng khai dùng vào đánh bạc là 5.437.000 đồng.

Tuy nhiên, quá trình thu giữ quả tang, điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai tổng số tiền đã, sẽ dùng để đánh bạc là 6.037.000 đồng gồm: Số tiền thu tại chiếu bạc 5.530.000 đồng, số tiền thu trong ví của Hà Văn Đ 305.000 đồng; số tiền thu trong ví của Hà Văn T2 202.000 đồng.

*b) Các vấn đề khác của vụ án:*

Đối với Đinh Thanh Q và Hà Văn L, không tham gia đánh bạc, không cho vay mượn, cầm cố tài sản cho các đối tượng đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không đề cập xử lý là phù hợp.

*c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:*

Tại Bản cáo trạng số: 03/CT – VKS ngày 30/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các Bị cáo Phạm Tiến Th, Hà Văn Đ, Hà Đức H, Hoàng Văn T1, Đinh Tuyên C và Hà Văn T2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1, Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999.

*Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:*

Áp dụng khoản 1, Điều 248, khoản 1, 2 Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

xử phạt: Bị cáo Phạm Tiến Th từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày đến 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1, Điều 248, khoản 1, 2 Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Hà Văn Đ, Hà Đức H, Đinh Tuyên C, Hoàng Văn T1 và Hà Văn T2 từ: 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Các Bị cáo được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Các Bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng 21 ngày đến 08 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày giao các bị cáo cho UBND xã nơi cư trú quản lý, giáo dục.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các Bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử lý về vật chứng như sau:

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 6.037.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếu cói đôi đã qua sử dụng và 36 quân bài Tú lơ khơ.

Xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 04 vída cho các Bị cáo Đ, T2, Th và T1.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc mỗi Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát. Các Bị cáo không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các Bị cáo đều thể hiện sự ăn năn, hối cải, và đề nghị Hội đồng xét xử cho các Bị cáo được hưởng mức án thấp nhất trong khung hình phạt và cho được cải tạo ngoài xã hội để có cơ hội rèn luyện sửa chữa lỗi lầm để trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, kiểm sát viên trong quá Trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, Trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá Trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các Bị cáo đều khai nhận đã cùng nhau tham gia đánh bạc tại nhà riêng của Hà Văn Đ. Trong đó Bị cáo H là người khởi xướng. Hình thức các Bị cáo đánh bạc là chơi “Ba cây”, người chơi sẽ đặt cược tối thiểu với người làm cái là 20.000 đồng trên một ván, phương thức thanh toán bằng tiền mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, các Bị cáo đã khai số tiền có khi tham gia đánh bạc gồm: Bị cáo Đ có 1.055.000 đồng, Bị cáo H có 1.300.000 đồng, Bị cáo T2 có 732.000đồng, Bị cáo T1 có 900.000 đồng, Bị cáo C có 800.000 đồng, Bị cáoTh có 650.000 đồng. Tổng số tiền các Bị cáo dùng đánh bạc là **5.437.000 đồng**.

Tuy nhiên, tại biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 29/11/2017 thì số tiền thu tại chiếu bạc là **5.530. 000 đ** và Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu cùng thu giữ trong ví của Bị cáo Đ 305.000 đ, thu giữ trong ví của Bị cáo T2 202.000 đ. Tại phiên tòa ngày hôm nay, Bị cáo Đ và Bị cáo T2 đều khai nhận số tiền chưa dùng đến còn lại trong ví sẽ được dùng để đánh bạc. Theo hướng dẫn tại điểm b, khoản

3, Điều 1 của Nghị Quyết số 01/2010/NQ – HĐTP ngày 22/10/2010 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và 249 của Bộ luật hình sự thì “*Tiền hoặc hiện vật thu giữ được trong người các con bạc mà có căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng đánh bạc*” thì sẽ được xác định là tiền dùng đánh bạc.

Như vậy, tổng số tiền các Bị cáo tham gia đánh bạc được xác định là số tiền bị thu giữ trên người Bị cáo Đ và Bị cáo T2 cộng với số tiền thu giữ tại chiếu bạc. Do đó, trong vụ án này, tổng số tiền phải được xác định là **6.037.000** đồng.

Xét lời nhận tội của các Bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận các Bị cáo:

Phạm Tiến Th, Hà Văn Đ, Hà Đức H, Hoàng Văn T1, Đinh Tuyên C, Hà Văn T2 phạm tội “Đánh bạc”. Được quy định tại khoản 1 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: *Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật cỳ giỏ trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.*

Khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: “*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*”

Sau khi so sánh khoản 1 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 với khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 thì thấy khoản 1 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định định lượng của cấu thành cơ bản với mức tiền từ 2.000.000đ trở lên mới đủ yếu tố cấu thành tội phạm đánh bạc, còn khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định định lượng của cấu thành cơ bản với mức tiền từ 5.000.000đ trở lên mới đủ yếu tố cấu thành tội phạm đánh bạc.

Như vậy xét về định lượng của cấu thành cơ bản thì thấy khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định có lợi hơn cho người phạm tội khi bị cáo có nhân thân tốt chưa bị xử lý gì. Do vậy căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 2 của nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và điều khoản có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 làm căn cứ để quyết định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Đối với Đinh Thanh Q và Hà Văn L không có hành vi tham gia đánh bạc do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T không đề cập xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cờ bạc là tệ nạn của xã hội, trước kia cũng như hiện nay nhà nước ta đã, đang loại trừ tệ nạn này, hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự an ninh xã hội đồng thời gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xong trước khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng Bị cáo trước khi phạm tội để áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các Bị cáo đã gây ra.

Đối với các Bị cáo: H, Đ, T1, C, T2 trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội các Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy mỗi bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Đối với Bị cáo H là người khởi sự trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay đều thể hiện Bị cáo có nhân thân tốt, hành vi phạm tội chỉ nhất thời, đánh bạc không phải là nghề nghiệp chính của Bị cáo. Các Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với Bị cáo Th: Tại bản án số 21/2015/HSST ngày 16/9/2015 Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “hủy hoại tài sản” nhưng tính đến ngày phạm tội lần này Bị cáo đã được xóa án tích. Sau khi phạm tội Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các Bị cáo thì thấy các Bị cáo H, Đ, T1, C, T2 đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, còn bị cáo Th được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có bị cáo nào phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều phạm tội ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội gia đình các Bị cáo có đơn xin bảo lãnh, các Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Với vậy lần phạm tội này không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt để các Bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và địa phương một thời gian công đủ điều kiện giúp các bị cáo cải tạo thành người công dân tốt.

Đối với các Bị cáo: H, Đ, T1, C, T2 xử phạt từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp.

Đối với Bị cáo Th cần xử phạt với mức cao hơn các Bị cáo khác, mức xử phạt từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp.

Các bị cáo được khấu trừ 03 (ba) ngày tạm giữ bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại buộc các bị cáo phải chấp hành.

Theo quy định tại khoản 3 điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 thì các bị cáo còn bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5 % đến 20 % để sung quỹ nhà nước. Nhưng qua xác minh của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T thấy rằng các Bị cáo chủ yếu là lao động tự do và làm ruộng thu nhập không ổn định vì vậy miễn khấu trừ thu nhập đối với các Bị cáo là phù hợp.

**Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 3 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng*".

Qua xác minh về tài sản của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T ngày 20, 21/12/2017 thì thấy gia đình các Bị cáo không có tài sản gì có giá trị trong gia đình. Vì vậy miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo là phù hợp thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trong quá Trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ của các Bị cáo Phạm Tiến Th, Hà Văn Đ, Hà Đức H, Hoàng Văn T1, Đinh Tuyền C, Hà Văn T2. Tổng số tiền là **6.037.000 đồng**; 01 chiếc Chiếc còi đôi cũ đã qua sử dụng, 36 quân bài Tú lơ khơ cũ đã qua sử dụng và 04 ví giả da của Th, T2, Đ, T1.

Xét thấy số tiền 6.037.000 thu giữ của của các Bị cáo là vật chứng cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với 01 chiếc Chiếc còi đôi cũ đã qua sử dụng và 36 quân bài Tú lơ khơ cũ đã qua sử dụng không có giá trị sử dụng nay cần tịch thu để tiêu hủy.

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại 04 ví giả da cho Hà Văn Đ, Hà Văn T2, Phạm Tiến Th, Hoàng Văn T1. Theo biên bản về việc trả lại tài sản lập ngày 28/12/2017 là hợp pháp.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

*a) Tuyên bố các Bị cáo:* Phạm Tiến Th, Hà Văn Đ, Hà Đức H, Hoàng Văn T1, Đinh Tuyền C, Hà Văn T2 phạm tội: "Đánh bạc". Được quy định tại khoản 1 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Nhưng Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 điều 2 của nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 điều 7 và điều khoản có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ

sung năm 2017 làm căn cứ để quyết định trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 điều 51; điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1, 2 Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999;

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đối với các bị cáo: Hà Văn Đ, Hà Đức H, Hoàng Văn T1, Đinh Tuyền C, Hà Văn T2, căn cứ vào các điểm, khoản, điều của các điều luật trên còn được áp dụng thêm điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*b) Trách nhiệm hình sự, hình phạt:*

Xử phạt: Phạm Tiến Th 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Nhưng được khấu trừ 03 (ba) ngày tạm giữ bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ bị cáo còn phải chấp hành là 14 (Mười bốn) tháng 21 (hai mươi một) ngày.

Xử phạt: Hà Văn Đ, Hà Đức H, Hoàng Văn T1, Đinh Tuyền C, Hà Văn T2 mỗi bị cáo 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Nhưng mỗi bị cáo được khấu trừ 03 (ba) ngày tạm giữ bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ mỗi bị cáo còn phải chấp hành là 08 (tám) tháng 21 (hai mươi một) ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND xã L, xã T, xã K huyện T tỉnh Phú Thọ, nơi các Bị cáo cư trú được giao giám sát giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với các Bị cáo Phạm Tiến Th, Hà Văn Đ, Hà Đức H, Hoàng Văn T1, Đinh Tuyền C, Hà Văn T2.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo Phạm Tiến Th, Hà Văn Đ, Hà Đức H, Hoàng Văn T1, Đinh Tuyền C, Hà Văn T2.

*c) Về xử lý vật chứng của vụ án:*

Tịch thu số tiền 6.037.000 đồng (sáu triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

Tịch thu để tiêu hủy 01 chiếc Chiều cói đôi cũ đã qua sử dụng và 36 quần bài Tú lơ khơ cũ đã qua sử dụng;

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại 04 ví giả da cho các Bị cáo: Hà Văn Đ, Hà Văn T2, Phạm Tiến Th, Hoàng Văn T1 theo biên bản về việc trả lại tài sản lập ngày 28/12/2017 là hợp pháp.

*d) Về án phí:* Buộc các Bị cáo Phạm Tiến Th, Hà Văn Đ, Hà Đức H, Hoàng Văn T1, Đinh Tuyển C, Hà Văn T2 mỗi Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

*đ) Quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các Bị cáo, được quyền kháng cáo lên toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

*Nơi nhận :*

- Toà án ND tỉnh ;
- VKSND tỉnh, huyện ;
- Sở tư pháp tỉnh;
- THA (Dân sự + hình sự);
- Công an huyện ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

*(đã ký)*

**Nguyễn Hà Giang**